

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	5
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	6
DANH MỤC CÁC HÌNH.....	7
MỞ ĐẦU	8
1. Lịch sử hình thành và tình trạng hiện tại của cơ sở:.....	8
2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật thực hiện giấy phép môi trường:.....	9
3. Các văn bản pháp lý của cơ sở:	13
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	15
1. Tên chủ cơ sở:.....	15
2. Tên cơ sở:	15
3. Công suất, quy mô của cơ sở:.....	18
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	18
3.2. Sơ đồ quy trình khám chữa bệnh:.....	19
3.3. Sản phẩm của cơ sở:.....	20
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở	21
4.1. Nhu cầu vật tư y tế, dụng cụ y khoa, thuốc men/hóa chất:	21
4.2. Nhu cầu về nhân sự:	24
4.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:.....	25
4.4. Nhu cầu sử dụng điện:.....	25
4.5. Nhu cầu sử dụng nước:.....	25
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	27
5.1. Danh mục máy móc, thiết bị.	27
5.2. Các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường:...	29
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	31
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.	31
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	31

2.1. Khả năng chịu tải môi trường nước.....	31
2.2. Khả năng tiếp nhận chất thải rắn và chất thải nguy hại	32
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	33
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:.....	33
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	33
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	35
1.3. Xử lý nước thải.....	38
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	41
2.1. Giảm thiểu tác động bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng:.....	41
2.2. Giảm thiểu tác động của khí thải từ căn tin, nhà bếp:	41
2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm mùi:	41
2.4. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và ô nhiễm không khí từ hoạt động của máy móc thiết bị và phương tiện giao thông:	42
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	43
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:.....	43
3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:	44
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	45
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	47
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	48
6.1. Biện pháp an toàn lao động, giảm thiểu tai nạn nghề nghiệp:	48
6.2. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy, nổ và sự cố do chất thải nguy hại:	49
6.3. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:	49
6.4. Phòng chống dịch bệnh:	50
6.5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:	50
6.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó về an toàn bức xạ:	51
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết:	52
8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.....	53

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	54
1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải:.....	54
1.1. Nguồn phát sinh nước thải:	54
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	54
1.3. Dòng nước thải:.....	54
1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	55
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	55
2.1. Nguồn phát sinh khí thải:	56
2.2. Dòng khí thải:.....	56
2.3. Lưu lượng xả khí thải tối đa:.....	56
2.4. Vị trí, phương thức và chế độ xả khí thải.....	56
2.5. Thành phần ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:	56
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	57
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:	57
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:	57
3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:.....	57
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn:.....	58
4.1. Chất thải rắn nguy hại:	58
4.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:.....	59
4.3. Chất thải rắn sinh hoạt:.....	60
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	62
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:.....	62
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:	63
3. Kết quả hoạt động của các công trình xử lý bụi, khí thải:	65
4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (không có)	65
5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	65
6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:	65
7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về môi trường đối với Cơ sở:.....	67

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	68
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....	68
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định pháp luật:	68
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	69
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	70
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	71

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD ₅	: Nhu cầu oxy sinh hóa
BQL	: Ban quản lý
BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
BTCT	: Bê tông cốt thép
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
CNV – NLĐ	: Công nhân viên – Người lao động
HTXLKT	: Hệ thống xử lý khí thải
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
KCN	: Khu công nghiệp
NĐ-CP	: Nghị định chính phủ
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TT	: Thông tư
UBND	: Ủy Ban Nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Nhu cầu sử dụng thuốc trong 01 tháng của.....	21
Bảng 2. Danh mục hóa chất, chế phẩm dùng trong xét nghiệm của	23
Bảng 3. Nhu cầu hóa chất sử dụng cho các mục đích khử trùng,	24
Bảng 4. Tổng hợp nhu cầu nước cần cấp cho Trung tâm y tế huyện Bến Cầu.....	27
Bảng 5. Danh mục máy móc, thiết bị của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu.....	28
Bảng 6. Danh mục các hạng mục công trình của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu.....	29
Bảng 7. Thông số hệ thống thoát nước mưa hiện hữu của Trung tâm y tế	33
Bảng 8. Thông số hệ thống thu gom nước thải của cơ sở	36
Bảng 9. Khối lượng CTNH phát sinh của Trung tâm.	46
Bảng 10. Thống kê những nội dung thay đổi so với	52
Bảng 11. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý năm 2024	64
Bảng 12. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của cơ sở.....	69

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ vị trí Trung tâm y tế huyện Bến Cầu.....	16
Hình 2. Sơ đồ quy trình vận hành của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu	19
Hình 3. Sơ đồ quy trình khám chữa bệnh của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu.....	20
Hình 4. Sơ đồ Thu gom, thoát nước mưa.....	34
Hình 5. Đường nội bộ, mương thoát nước tại cơ sở.....	35
Hình 6. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải	36
Hình 7. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	38
Hình 8. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m ³ /ngày.đêm.....	40

MỞ ĐẦU

1. Lịch sử hình thành và tình trạng hiện tại của cơ sở:

Trung tâm y tế huyện Bến Cầu với tiền thân là Bệnh viện huyện Bến Cầu được UBND tỉnh phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện huyện Bến Cầu tại Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 với quy mô 100 giường (định hướng lên 150 giường).

Ngày 13/3/2009, Trung tâm y tế huyện Bến cầu được thành lập trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện đa khoa huyện Bến Cầu và Trung tâm y tế dự phòng huyện Bến Cầu theo Quyết định số 430/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh. Sự hình thành và hoạt động của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu từ năm 2009 đến nay hoàn toàn phù hợp với quy định của Trung ương và địa phương;

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu tại ấp Thuận Tây, xã Thuận Lợi, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh với quy mô, công suất hoạt động 50 giường bệnh.

Hiện nay, Trung tâm y tế huyện Bến Cầu vẫn đang hoạt động với 6 khoa lâm sàng: Khoa Hồi sức cấp cứu - Ngoại tổng hợp, Khoa Nội tổng hợp - Nhi - Truyền nhiễm - Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng, Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản, Khám bệnh - Liên chuyên, Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế - Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS - Y tế công cộng và Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm. Các khoa phòng được sắp xếp, bố trí hợp lý nhằm giải quyết tốt công tác chuyên môn và xử lý kịp thời các tình huống xảy ra trong quá trình điều trị. Với nhân lực và trang thiết bị hiện có, Trung tâm đã đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của người dân trên địa bàn huyện Bến Cầu và các vùng lân cận.

Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 Luật Đầu tư công và Phụ lục I phân loại dự án đầu tư công ban hành kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công thì với mục tiêu, quy mô, tổng vốn đầu tư, Trung tâm y tế huyện Bến Cầu thuộc nhóm

C có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng (thuộc nhóm lĩnh vực quy định tại điểm 1 mục V Phần A (có tổng mức đầu tư dưới 90 tỷ đồng).

Loại hình hoạt động của cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Cơ sở thuộc nhóm III có số thứ tự 2 mục II Phụ lục V Danh mục các dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, trừ dự án quy định tại phụ lục III và phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: *“Dự án có cấu phần xây dựng không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định của quản lý chất thải”*.

Căn cứ theo Khoản 1, Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 quy định đối tượng phải có giấy phép môi trường, *“Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức”*.

Trên cơ sở Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 25/4/2015. Cơ sở tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường theo mẫu báo cáo đề xuất tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và trình lên Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh để được cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật thực hiện giấy phép môi trường:

❖ Căn cứ Luật:

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/06/2001 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2001;

- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 22/11/2013;

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/06/2006 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006;

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007;

- Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 30/11/2024;

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 27/11/2023;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/06/2014;

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/06/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 15/06/2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

❖ Nghị định:

- Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29/03/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;
- Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

❖ Thông tư:

- Thông tư số 32/2017/TT – BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất;
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 48/2020/TT – BCT ngày 21/12/2020 của Bộ Công thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo

quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm;

- Thông tư số 01/2021/TT – BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 10/2021/TT – BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Thông tư số 17/2021/TT – BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

- Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

❖ **Chỉ thị:**

- Chỉ thị số 03/CT – TTg ngày 05/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất độc hại.

❖ **Quyết định:**

- Quyết định số 26/2016/QĐ – TTg ngày 01/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc;

- Quyết định số 04/2020/QĐ – TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố hóa chất độc ban hành kèm theo Quyết định số 26/2016/QĐ – TTg ngày 01/07/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Công văn số 1924/BCT – HC ngày 19/03/2020 của Bộ Công Thương về việc đôn đốc xây dựng và thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và quản lý an toàn hóa chất.

❖ **Quy chuẩn, tiêu chuẩn:**

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc;
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc;
- QCVN 07 – 2:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước;
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;
- QCVN 06:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

3. Các văn bản pháp lý của cơ sở:

- Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 của UBND tỉnh phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện huyện Bến Cầu với quy mô 100 giường.
- Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2009 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện, thị xã.
- Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 85/2019/TNI-GPHĐ của Sở Y tế ngày 28/02/2023.

- Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu tại ấp Thuận Tây, xã Thuận Lợi, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh với quy mô, công suất hoạt động 50 giường bệnh.

- Hợp đồng kinh tế về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải (y tế) nguy hại số 2502-267/HĐ-MĐ ngày 10/02/2025 với Công ty CP môi trường Miền Đông.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 72000424.T của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 08/5/2014.

Các văn bản pháp lý được đính kèm tại phụ lục của báo cáo.

CHƯƠNG I.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BẾN CẦU

- Địa chỉ văn phòng: ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.
- Người đại diện: Ông Trần Văn Miền Chức danh: Giám đốc
- Điện thoại: 0276.3761 179
- Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 của UBND tỉnh phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện huyện Bến Cầu
- Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 85/2019/TNI-GPHĐ của Sở Y tế ngày 28/02/2023.

2. Tên cơ sở:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BẾN CẦU

Địa chỉ cơ sở: ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tọa độ giới hạn của cơ sở:

Điểm	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°30' múi chiếu 3°	
	X	Y
1	1228 886	572 161
2	1228 884	572 192
3	1228 753	572 184
4	1228 749	572 226
5	1228 570	572 213
6	1228 581	572 095
7	1228 761	572 107
8	1228 755	572 152



Hình 1. Sơ đồ vị trí Trung tâm y tế huyện Bến Cầu

Địa điểm cơ sở: ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:

- Phía Bắc giáp: giáp đường tỉnh 786.
- Phía Nam giáp: giáp thửa đất số 155.
- Phía Đông: giáp thửa đất số 6; 22; 48; 69; 85; 92; 107.
- Phía Tây: giáp thửa đất số 393; 67; 90; 144.

Tổng diện tích toàn khu đất là 25.692 m², có vị trí nằm giáp đường tỉnh 786 một trong các tuyến đường quan trọng của huyện Bến Cầu là tuyến đường kết nối các khu vực nội địa và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trung tâm có vị trí khá thuận tiện nằm cách thị trấn Bến Cầu khoảng 1,1 km; cách trường THPT Nguyễn Huệ khoảng 1,5 km; cách khu dân cư xã Tiên Thuận huyện Bến Cầu khoảng 1,4 km. Xung quanh Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu chủ yếu là đất trồng lúa.

Các văn bản pháp lý có liên quan của Cơ sở:

- Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 13/3/2009 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện, thị xã.
- Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình bệnh viện Bến Cầu.
- Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu tại ấp Thuận Tây, xã Thuận Lợi, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh với quy mô, công suất hoạt động

50 giường bệnh.

- Hợp đồng kinh tế về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải (y tế) nguy hại số 2502-267/HĐ-MĐ ngày 10/02/2025 với Công ty CP môi trường Miền Đông.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 72000424.T của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08/5/2014.

*** Quy mô cơ sở:**

Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 Luật Đầu tư công và Phụ lục I phân loại dự án đầu tư công ban hành kèm theo Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công thì với mục tiêu, quy mô, tổng vốn đầu tư, Trung tâm y tế huyện Bến Cầu thuộc nhóm C có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng (thuộc nhóm lĩnh vực quy định tại điểm 1 mục V Phần A (có tổng mức đầu tư dưới 90 tỷ đồng)).

Loại hình hoạt động của cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Cơ sở thuộc nhóm III có số thứ tự 2 mục II Phụ lục V Danh mục các dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, trừ dự án quy định tại phụ lục III và phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: “*Dự án có cấu phần xây dựng không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải*”.

Căn cứ theo Khoản 1, Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 quy định đối tượng phải có giấy phép môi trường, “*Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường “Trung tâm y tế huyện Bến Cầu”*”

quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức”.

Trên cơ sở Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 25/4/2015. Cơ sở tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường theo mẫu báo cáo đề xuất tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và trình lên Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh để được cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

3. Công suất, quy mô của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu được đưa vào hoạt động với chức năng khám, chữa bệnh với quy mô 50 giường bệnh.

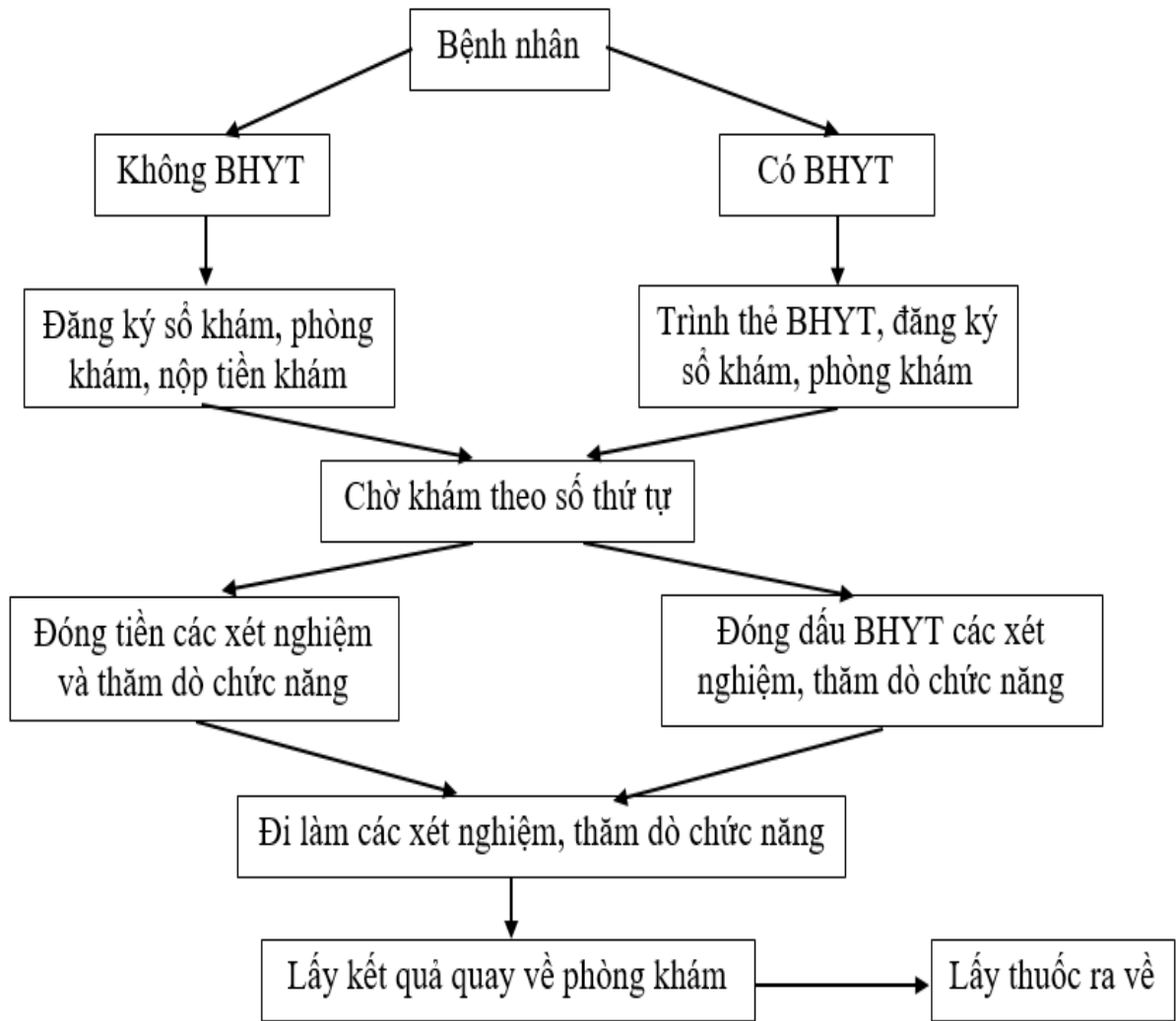
Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện các công tác chuyên môn kỹ thuật về chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, có chức năng khám bệnh, chữa bệnh, và tổ chức an dưỡng cho người bệnh và những đối tượng khác có nhu cầu

Quy trình tổ chức và hoạt động khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu được mô tả như sau:

[illegible][illegible]

3.2. Sơ đồ quy trình khám chữa bệnh:

Đầu tiên phải hiểu đúng về “Thế lực” và “Đầu óc”



Hình 3. Sơ đồ quy trình khám chữa bệnh của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu

Thuyết minh quy trình:

Bước 1: khách hàng đăng ký khám và mua sổ khám bệnh, xuất trình thẻ BHYT và lấy số thứ tự tại Quầy tiếp đón.

Bước 2: bác sỹ khám và chỉ định thực hiện các dịch vụ. Đóng dấu BHYT nếu là khách hàng BHYT.

Bước 3: đến các phòng thực hiện các xét nghiệm, chức năng thăm dò.

Bước 4: Lấy kết quả quay trở lại phòng khám.

Bước 5: khách hàng BHYT cầm đơn thuốc đến cửa tiếp đón ngoại trú BHYT để đóng dấu, thanh toán chi phí kết thúc đợt khám bệnh ngoại trú, nhận lại thẻ BHYT và giấy tờ tùy thân. Khách hàng không BHYT đến quầy mua thuốc và ra về.

Bước 6: khách hàng BHYT nhận thuốc tại quầy BHYT và ra về.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Dự án thuộc nhóm y tế, sản phẩm của dự án là các loại hình khám chữa bệnh, cung ứng thuốc, chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn huyện, vùng lân cận, với quy mô hoạt động 50 giường bệnh đối với bệnh nhân nội trú và khoảng 100 người/ngày đối với bệnh nhân ngoại trú.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở

4.1. Nhu cầu vật tư y tế, dụng cụ y khoa, thuốc men/hóa chất:

Nhu cầu sử dụng các trang thiết bị y tế, dụng cụ y khoa, thuốc men/hóa chất được sử dụng phục vụ công tác khám chữa bệnh, xét nghiệm, phân tích được đính kèm phụ lục:

**Bảng 1. Nhu cầu sử dụng thuốc trong 01 tháng của
Trung tâm y tế huyện Bến Cầu**

STT	Tên Dược	ĐVT	Nước sản xuất	Số lượng /01 tháng
01	Acarbose 50mg 50mg	Viên	Việt Nam	1,016
02	ACECYST 200mg	Viên	Việt Nam	1,813
03	Aciclovir 800mg 800mg	Viên	Việt Nam	28
04	AGINFOLIX 5 5mg	Viên	Việt Nam	201
05	Aspirin 81 81mg	Viên	Việt Nam	225
06	Atorvastatin 20 20mg	Viên	Việt Nam	427
07	Atorvastatin 40 40mg	Viên	Việt Nam	3,061
08	Auclanityl 562,5mg 500mg + 62,5mg	Viên	Việt Nam	3,421
09	Bisoprolol 5mg	Viên	Việt Nam	89
10	Biviantac 306mg; 400mg; 30mg	Viên	Việt Nam	911
11	Bromhexin 8mg	Viên	Việt Nam	199
12	Bromhexin Actavis 8mg 8mg	Viên	Bulgaria	469
13	Calcium Stella 500 mg 0,3g + 2,94g	Viên	Việt Nam	1,468
14	Carbocistein tab DWP 250mg 250mg	Viên	Việt Nam	

STT	Tên Dược	ĐVT	Nước sản xuất	Số lượng /01 tháng
15	Celofin 200 200mg	Viên	Ấn Độ	1,750
16	Comiaryl 2mg/500mg 2mg + 500mg	Viên	Việt Nam	11,687
17	Desloratadin 5mg	Viên	Việt Nam	1,023
18	Diclofenac 50mg	Viên	Việt Nam	212
19	Domperidon 10mg	Viên	Việt Nam	181
20	DOMUVAR 2.10 ⁹ CFU	Ống	Việt Nam	2,983
21	Fascapin-20 20mg	Viên	Việt Nam	1,056
22	Fefasdin 180 180mg	Viên	Việt Nam	145
23	Gelactive Fort 400mg + 300mg + 30mg	Gói	Việt Nam	4,386
24	Gikanin 500mg	Viên	Việt Nam	752
25	Glucosamin 500mg	Viên	Việt Nam	702
26	Hismedan 20mg	Viên	Việt Nam	416
27	Hydan 500 22mg; 500mg; 170mg	Túi	Việt Nam	575
28	INSUNOVA -G PEN 100IU/ml	Bút tiêm	India	28
29	Kacerin 10mg	Viên	Việt Nam	53
30	Katrypsin 21 microkatal	Viên	Việt Nam	1,900
31	Kavasdin 10 10mg	Viên	Việt Nam	4,672
32	Lạc tiên viên Cao khô hỗn hợp 273mg (tương đương với dược liệu gồm: Lạc tiên 1617mg; Vông nem (lá) 950mg; Dâu (lá) 273mg); Bột mịn dược liệu gồm (Lạc tiên 50mg; Vông nem (lá) 50mg; Dâu (lá) 60mg)	Viên	Việt Nam	3,749
33	Lazibet MR 60 60mg	Viên	Việt Nam	1,391
34	Lufogel 3g/20ml	Gói	Việt Nam	1,294
35	Methocarbamol 500mg	Viên	Việt Nam	1,000
36	Metilone-4 4mg	Viên	Việt Nam	2,316
37	METINY 375mg	Viên	Việt Nam	850

STT	Tên Dược	ĐVT	Nước sản xuất	Số lượng /01 tháng
38	Mirenzine 5 5mg	Viên	Việt Nam	1,170
39	Moov 15 15mg	Viên	India	510
40	Nilcox Baby Fort 250/2 mg 250mg + 2mg	Gói	Việt Nam	243
41	PARTAMOL TAB 500mg	Viên	Việt Nam	11,089
42	Pepsia 4mg/10g + 3000mg/10g	Gói	Việt Nam	1,490
43	PQA Bách Bộ 15,36g	Chai	Việt Nam	140
44	PQA Dầu Gừng 3g/15ml	Lọ	Việt Nam	253
45	PQA Tán sỏi 5g	Gói	Việt Nam	1,236
46	Thelizin 5mg	Viên	Việt Nam	23
47	Vitamin B1 250mg	Viên	Việt Nam	244
48	Vitamin B6 250mg	Viên	Việt Nam	206
49	ZHEKOF-HCT 40mg + 12,5mg	Viên	Việt Nam	210

(Nguồn: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu)

**Bảng 2. Danh mục hóa chất, chế phẩm dùng trong xét nghiệm của
Trung tâm y tế huyện Bến Cầu**

STT	Tên hóa chất	ĐVT	Nước sản xuất	Số lượng/03 tháng
1	Hóa chất xét nghiệm AST/GOT	Hộp	Wiener Lab - Argentina	1
2	Hóa chất xét nghiệm ALT/GPT	Hộp	Wiener Lab - Argentina	1
3	Hóa chất xét nghiệm Urea	Hộp	Wiener Lab - Argentina	1
4	Hóa chất xét nghiệm Creatinine	Hộp	Wiener Lab - Argentina	2
5	Hóa chất xét nghiệm Glucose	Hộp	Wiener Lab - Argentina	1
6	Hóa chất xét nghiệm	Hộp	Wiener Lab -	1

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường “Trung tâm y tế huyện Bến Cầu”

STT	Tên hóa chất	ĐVT	Nước sản xuất	Số lượng/03 tháng
	Triglycerides		Argentina	
7	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	Hộp	Wiener Lab - Argentina	1
8	Hóa chất xét nghiệm Amylase	Hộp	Wiener Lab - Argentina	2

(Nguồn: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu)

Bảng 3. Nhu cầu hóa chất sử dụng cho các mục đích khử trùng, khử khuẩn, giặt tẩy

STT	Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất	Khối lượng sử dụng hiện hữu /03 tháng
1	Nhóm hóa chất sử dụng trong xét nghiệm	120 lít
3	Bột giặt Omo	21kg
4	Nước lau sàn Lix	60 lít
5	Dung dịch Duck	45 lít
6	Dầu DO	25 lít

(Nguồn: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu)

4.2. Nhu cầu về nhân sự:

Tổng số lượng cán bộ nhân viên Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu là 82 người, cụ thể như sau:

STT	Phòng, khoa	Số lượng y, bác sĩ, công nhân viên
I. Các phòng ban		25
1	Ban Giám đốc	3
2	Tài chính kế toán	5
3	Tổ chức hành chính	8
4	Kế hoạch nghiệp vụ	5
5	Điều dưỡng – Kiểm soát nhiễm khuẩn	2
6	Dân số	2

STT	Phòng, khoa	Số lượng y, bác sĩ, công nhân viên
II. Các khoa		57
1	Hồi sức cấp cứu – Ngoại tổng hợp	12
2	Khoa nội tổng hợp – Nhi - Truyền nhiễm - Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	8
3	Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản	6
4	Khoa Khám bệnh – Liên chuyên khoa	7
5	Khoa Dược – Trang thiết bị - Vật tư y tế - Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh,	13
6	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS – Y tế công cộng và Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm.	11
Tổng cộng		82

(Nguồn: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu)

4.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:

Nhiên liệu được sử dụng là dầu DO cung cấp cho hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 210 KVA khoảng 46,5 lit/giờ. Do nhu cầu dùng dầu DO cho máy phát điện dự phòng công suất 210 KVA không thường xuyên nên nhu cầu sử dụng dầu DO không được xác định cụ thể chỉ phát sinh khi gặp sự cố mất điện.

4.4. Nhu cầu sử dụng điện:

Nguồn điện từ lưới điện Quốc gia, với trạm biến áp có công suất 380 KVA phân phối đến các công trình của Cơ sở.

Ngoài ra, Trung tâm y tế huyện Bến Cầu hiện đang sử dụng 01 máy phát điện dự phòng công suất 210 KVA đặt ở trạm máy phát điện tập trung kéo cáp đến trạm điều hành chung của Trung tâm, sau đó dẫn về các công trình qua các mạng cáp đã có sẵn. Điện áp sử dụng 380V/220V, 3 pha, tần số 50 Hz.

Nhu cầu sử dụng điện của Trung tâm Y tế trung bình khoảng 26.090 Kw/tháng.

4.5. Nhu cầu sử dụng nước:

Trung tâm Y tế sử dụng nước dưới đất (01 giếng) phục vụ cấp cho hoạt động

khám chữa bệnh tại Trung tâm và cung cấp nước chữa cháy trong 5 – 10 phút khi có cháy.

Ước tính nhu cầu sử dụng nước của Trung tâm:

Theo QCVN 01:2021/BXD thì nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt của một người tối thiểu 80 lít/người/ngày. Ta ước tính được nhu cầu nước cấp cho sinh hoạt của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu như sau:

- Trung tâm có tổng cộng 82 cán bộ nhân viên nên lượng nước cần cấp cho sinh hoạt của CBCNV làm việc Trung tâm là: $82 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người/ngày} = 6,56 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Trung tâm có quy mô 50 giường bệnh và theo quy định của Trung tâm mỗi người bệnh chỉ có 01 thân nhân nuôi bệnh nên lượng nước cấp cho sinh hoạt của thân nhân bệnh nhân là: $50 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người/ngày} = 4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

- Trung tâm hiện tại tối đa tiếp nhận khoảng 100 người/ngày đến khám ngoại trú. Người bệnh đến khám ngoại trú không lưu trú lại nên ước tính lượng nước cấp cho sinh hoạt của 01 người là 40 lít/người/ngày. Vậy lưu lượng nước cần cấp cho sinh hoạt của người đến khám ngoại trú là $100 \text{ người} \times 40 \text{ lít/người/ngày} = 4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

➤ Vậy tổng lưu lượng nước cần cấp cho nhu cầu sinh hoạt là $14,56 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $14,56 \text{ m}^3/\text{ngày}$.đêm ước tính bằng 100% lưu lượng nước cấp).

Theo TCVN 4513-1988 thì nhu cầu nước cấp cho 01 giường bệnh là từ 250 – 300 lít/giường/ngày. Như vậy nhu cầu cấp nước cho hoạt động khám chữa bệnh khoảng: $50 \text{ người} \times 250 \text{ lít/giường/ngày} = 12,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Vậy nước thải y tế của Trung tâm khoảng $12,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.đêm ước tính bằng 100% lưu lượng nước cấp.

Theo TCVN 2622 – 1995 cần đảm bảo lượng nước chữa cháy 2,5 lít/s cho 2 đám cháy xảy ra trong vòng 03 giờ liên là: $2,5 \text{ lít/s} \times 2 \times 3 \times 60 \times 60/1.000 = 54 \text{ m}^3$.

- Nước tưới cây:

Căn cứ Mục 2.10.2 Nhu cầu sử dụng nước của QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng: Chỉ tiêu cấp nước phải đảm bảo tối thiểu đối với công tác tưới vườn hoa, công viên, thảm cây xanh là $3 \text{ lít/m}^2/\text{ngày}$. Diện tích cây xanh của cơ sở là $5.909,16 \text{ m}^2$, lượng nước tưới cây xanh được tính như sau:

$Q_{\text{nước tưới cây xanh}} = 5.909,16 \text{ m}^2 \times 3 \text{ lít/m}^2/\text{ngày} = 17,73 \text{ m}^3/\text{ngày}.$

- Nước cấp cho tưới đường, sân bãi: $Q_{\text{td}} = 0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}.$

Diện tích đất quy hoạch cho đường giao thông, sân bãi là $8.701,25 \text{ m}^2$, chỉ tiêu cấp nước cho hoạt động tưới đường, sân bãi của dự án là $0,4 \text{ lít/m}^2/\text{ngày}$ (theo QCVN 01:2021/BXD). Lưu lượng nước cấp cho tưới đường, sân bãi được tính toán như sau: $Q_{\text{td}} = 0,4 \text{ lít/m}^2/\text{ngày} \times 8.701,25 \text{ m}^2 = 3,48 \text{ m}^3/\text{ngày}.$

Bảng 4. Tổng hợp nhu cầu nước cần cấp cho Trung tâm y tế huyện Bến Cầu

STT	Mục đích sử dụng	Đơn vị	Lưu lượng cấp nước
1	Sinh hoạt của CBCNV làm việc tại Trung tâm	$\text{m}^3/\text{ngày}$	6,56
2	Sinh hoạt của người đến khám ngoại trú	$\text{m}^3/\text{ngày}$	4
3	Sinh hoạt thân nhân chăm sóc bệnh nội trú	$\text{m}^3/\text{ngày}$	4
4	Khám chữa bệnh nội trú	$\text{m}^3/\text{ngày}$	12,5
5	Tưới cây	$\text{m}^3/\text{ngày}$	17,73
6	Tưới đường, sân bãi	$\text{m}^3/\text{ngày}$	3,48
Tổng			48,27

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

Trung tâm y tế huyện Bến Cầu được cấp phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 85/2019/TNI-GPHĐ của Sở Y tế ngày 28/02/2023.

5.1. Danh mục máy móc, thiết bị.

Danh mục thiết bị máy móc y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh hiện có của Trung tâm Y tế, được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5. Danh mục máy móc, thiết bị của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu

STT	Tên thiết bị	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng sử dụng
1	Máy X Quang IM-100L Toshiba	Nhật	Cái	01	Hoạt động tốt
2	Hệ thống xử lý ảnh X Quang KTS CR	Trung Quốc	Cái	01	Hoạt động tốt
3	Máy tạo oxy	Mỹ	Cái	01	Hoạt động tốt
4	Máy sinh hóa Au480	Đức	Cái	01	Hoạt động tốt
5	Máy phân tích huyết học	Nhật	Cái	01	Hoạt động tốt
6	Máy phân tích nước tiểu tự động 10 thông số	Tây Ban Nha	Cái	01	Hoạt động tốt
7	Máy ly tâm máu	Nhật	Cái	01	Hoạt động tốt
8	Bộ đặt nội khí quản	Đức	Bộ	01	Hoạt động tốt
9	Thiết bị quang trị liệu (Đèn chiếu vàng da)	Hàn Quốc	Cái	01	Hoạt động tốt
10	Máy siêu âm màu	Hàn Quốc	Cái	01	Hoạt động tốt
11	Tủ sấy khô >60 lít	Đức	cái	01	Hoạt động tốt
12	Máy sốc tim	Nhật	Cái	01	Hoạt động tốt
13	Máy MONITOR	Nhật	Cái	01	Hoạt động tốt
14	Đèn hồng ngoại Beurer	Trung Quốc	Cái	01	Hoạt động tốt
15	Máy điều trị xung điện	Ý	cái	01	Hoạt động tốt
16	Máy điện châm 12 kim (KWD-8081)	Cuba	cái	03	Hoạt động tốt
17	Máy X-Quang treo trần	Nhật	Cái	01	Hoạt động tốt

(Nguồn: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu)

Ghi chú: Hiện tại, Trung tâm Y tế sử dụng máy chụp X-Quang công nghệ in phim khô nên không sử dụng nước rửa phim và không phát sinh dung dịch thải thuốc

hiện ảnh và tráng phim gốc nước.

5.2. Các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường:

Trung tâm y tế huyện Bến Cầu có diện tích 25.692 m² (theo Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị, Sở, ngành trên địa bàn tỉnh Tây Ninh) bao gồm các hạng mục công trình hiện hữu được liệt kê chi tiết trong Bảng sau:

Bảng 6. Danh mục các hạng mục công trình của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu

STT	Tên hạng mục	Số tầng	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Nhà xe cấp cứu	01	96,36	0,38
2	Nhà xe công vụ + Kho	01	103,66	0,40
3	Nhà xe bệnh nhân + Nhân viên	01	530,66	2,07
4	Khối dự phòng + Nhà giặt + Khu thanh trùng	01	252,96	0,98
5	Nhà dinh dưỡng	01	261,99	1,02
6	Nhà bảo vệ	01	29,7	0,12
7	Hành chính + HSCC + Dược	02	3.861	15,03
	Khoa khám bệnh			
8	Khu xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh + Phòng mổ	02	992,58	3,86
9	Khoa nội – Khoa Nhi – Khoa truyền nhiễm – Khoa y học cổ truyền – Khoa Phục hồi chức năng	03	4.788	18,64

STT	Tên hạng mục	Số tầng	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
10	Lò đốt rác + Kho chứa CTR sinh hoạt + Khu CTR thông thường + Khu chứa CTNH	01	55,44	0,22
11	Nhà xác	01	73,76	0,29
12	Nhà máy phát điện	01	17,76	0,07
13	Nhà xử lý nước thải	01	14,28	0,06
14	Sân bãi, đường nội bộ	-	8.701,25	33,87
15	Cây xanh, thảm cỏ	-	5.909,16	23,01
Tổng cộng		-	25.692	100%

(Nguồn: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu)

CHƯƠNG II.

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

“Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu” tọa lạc tại ấp Thuận Tây, xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với định hướng, mục tiêu quy hoạch phát triển của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Quyết định số 64/2012/QĐ-UBND ngày 17/12/2012 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 775/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/06/2022 về Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị, Sở, ngành trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã được UBND tỉnh phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 25/4/2015.

Như vậy, địa điểm thực hiện dự án hoàn toàn phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Khả năng chịu tải môi trường nước

Nước thải sinh hoạt phát sinh Trung tâm xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, có ngăn lọc sau đó dẫn về HTXL nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

Trung tâm Y tế đã xây dựng hoàn thiện và tách riêng biệt hệ thống thu gom, thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại Trung tâm bao gồm nước thải sau khi xử lý sơ bộ từ bể tự hoại 3 ngăn và nước thải y tế được thu gom triệt để và đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 100

m³/ngày đêm xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, cột A trước khi thoát ra công chung khu vực thị trấn.

2.2. Khả năng tiếp nhận chất thải rắn và chất thải nguy hại

❖ **Chất thải rắn sinh hoạt:** Phân loại chất thải tại nguồn, thu gom riêng chất thải rắn sinh hoạt với chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế và chất thải y tế nguy hại (bao gồm: chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm). Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt được chứa trong các thùng đựng rác lót túi màu xanh bên trong có nắp đậy bố trí ngay tại nơi phát sinh (xung quanh các phân khu chức năng, nhà ăn, văn phòng, xung quanh Trung tâm). Sau đó được đội ngũ nhân viên quét dọn vệ sinh tập trung về khu vực tập kết CTR sinh hoạt có diện tích khoảng 8 m² rồi được chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định.

❖ **Chất thải rắn thông thường:** Được thu gom và cho vào bao tải tập trung về kho chứa sau đó bán cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

❖ **Chất thải nguy hại:** Tập trung thu gom và phân loại không để lẫn chất thải nguy hại với các loại chất thải khác và không để lẫn các loại chất thải nguy hại với nhau và lưu chứa tạm thời tại kho CTNH, sau đó chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định. *(Hợp đồng được đính kèm trong phụ lục).*

CHƯƠNG III.

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

➤ *Nước mưa chảy tràn:*

Trung tâm đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn chỉnh và được tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

So với nước thải, nước mưa khá sạch. Mái nhà được bố trí nghiêng, nước mưa phát sinh từ mái nhà được thu gom về hố thu nước qua các mương dẫn nước. Khu vực sân bãi, đường nội bộ được tráng nhựa, tạo độ dốc để nên khả năng tiêu thoát tốt. Hơn nữa, rác thải của cơ sở được thu gom, không để rơi vãi vì thế không làm ô nhiễm môi trường nước mưa chảy tràn. Dọc theo cống thoát, tại điểm xả cuối cùng đặt song chắn rác để tách rác có kích thước lớn trước khi thải ra hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

Đối với nước mưa thu gom từ các mái nhà: được thoát bằng ống thoát nước mưa uPVC D90, dẫn xuống nền đất. Nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu gom bằng tuyến mương bê tông, tráng đáy, chiều rộng 0,5m, độ sâu trung bình 0,5m dẫn đến các hố ga, sau đó chảy ra cống thoát nước mưa chung của khu vực. Tổng chiều dài tuyến mương nước mưa là 400m.

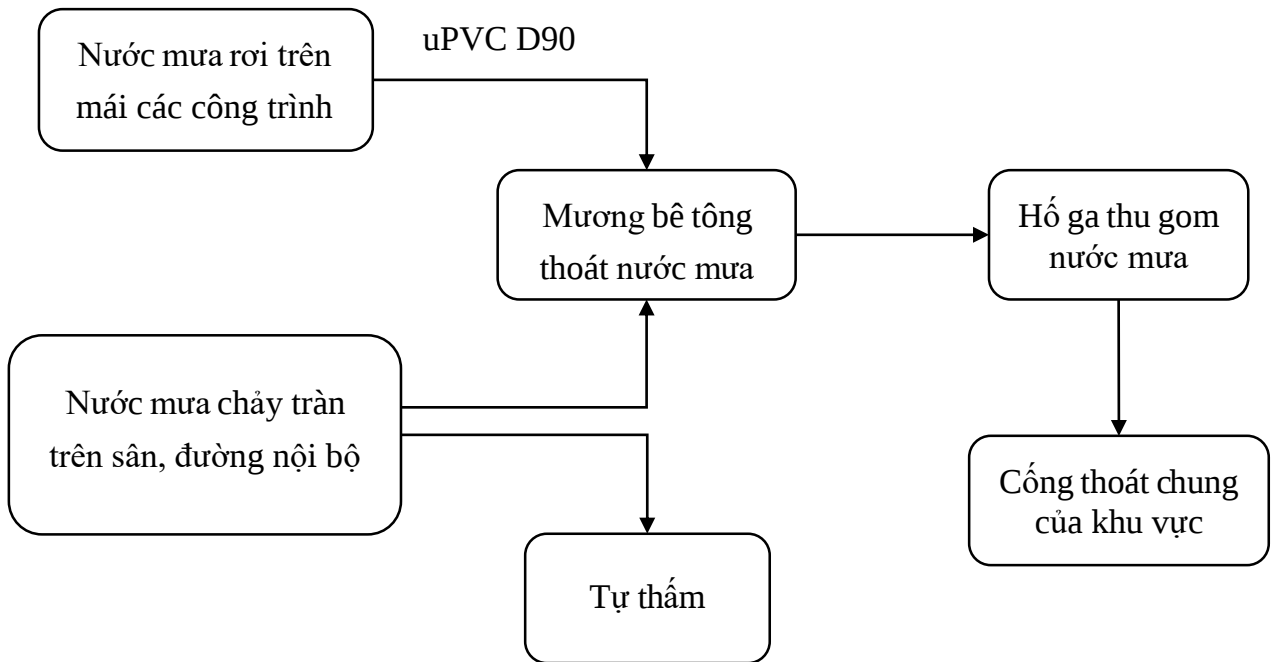
Phần diện tích sân bãi, trồng cây xanh, nước mưa toàn bộ đều cho tự thấm. Mương có chiều rộng 0,5m; độ sâu trung bình 0,5m; chiều dài 128,0 m. Giải pháp thiết kế: Đáy mương bê tông đá (4x6)cm, lán vữa xi măng; thành mương xây gạch không nung; nắp đan BTCT đá (1x2)cm.

Bảng 7. Thông số hệ thống thoát nước mưa hiện hữu của Trung tâm y tế

STT	Thông số kỹ thuật	Chiều dài (m)
1	Mương bê tông B500	400
2	Ống PVC D90 thu nước từ mái nhà	65
3	Hố ga nước mưa xây bằng gạch thẻ, vữa xi măng mác 75: 0,8m x 0,8m	15 hố

(Nguồn: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu)

Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước mưa Cơ sở như sau:



Hình 4. Sơ đồ Thu gom, thoát nước mưa

- Nước mưa chảy tràn từ mái nhà của các phân khu chức năng chảy theo mái về các máng và ống thu gom Ø90 mm sau đó chảy về hệ thống mương B400 thoát nước của Trung tâm.

Phương thức thoát nước mưa: tự chảy.

Trung tâm thường xuyên vệ sinh, nạo vét mương, rãnh thoát nước mưa để tránh gây tắc nghẽn, do đó khả năng tiêu thoát nước mưa của Trung tâm là rất tốt, không bị ngập úng nước khi mưa to. Bên cạnh đó, không cho nước mưa chảy tràn qua các khu vực chứa chất thải nên không gây ảnh hưởng làm ô nhiễm nước mưa chảy tràn.



Hình 5. Đường nội bộ, mương thoát nước tại cơ sở

Nhận xét: Trung tâm đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước mưa theo quy định. Hiện trạng chất lượng của mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đang hoạt động tốt và ổn định. Trong tương lai Trung tâm tiếp tục duy trì tình trạng hoạt động của mạng lưới này và sẽ cải tạo nếu xuống cấp, không đáp ứng yêu cầu tiêu thoát nước mưa trong khu vực cơ sở.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

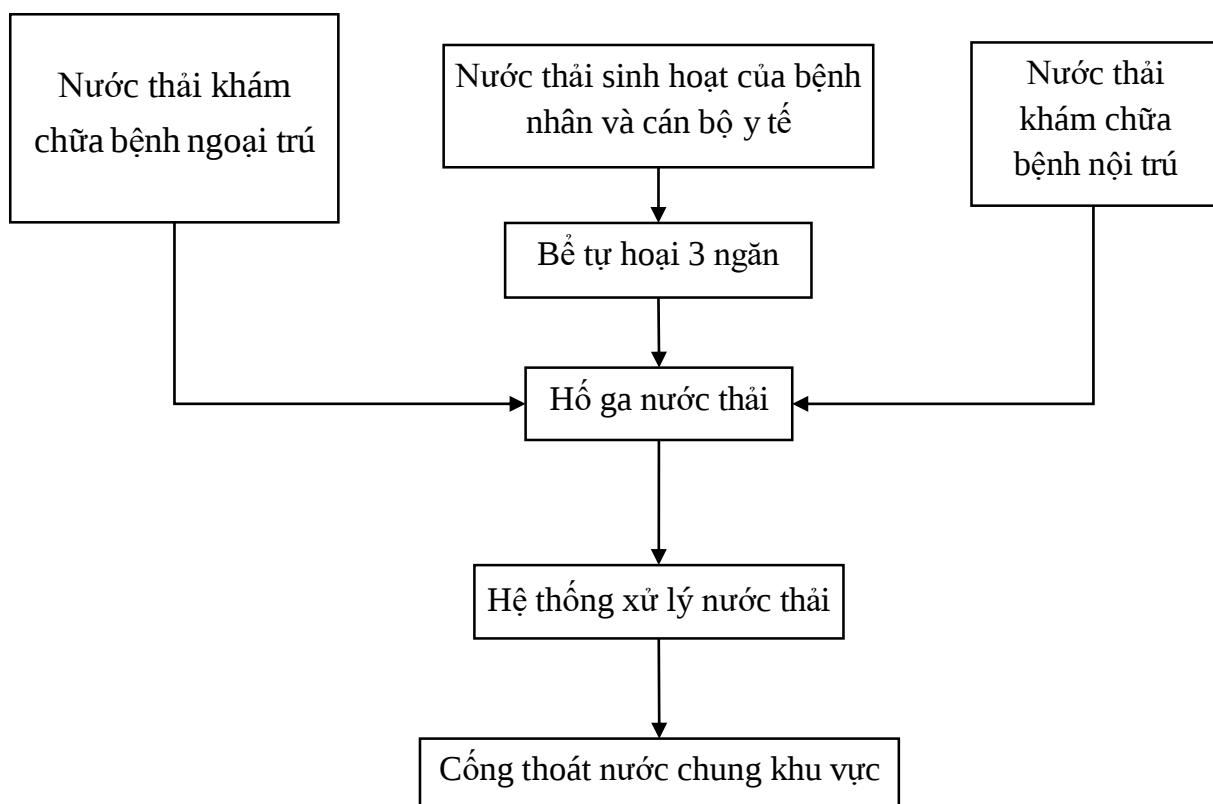
Nước thải phát sinh tại Trung tâm y tế bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải phát sinh từ nhà giặt, nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh, vệ sinh dụng cụ xét nghiệm. Cơ sở đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải riêng biệt như sau:

- Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân và công nhân viên từ nhà vệ sinh các khoa khám bệnh, khu nội trú,...được thu gom bằng ống D114 PVC ra bể tự hoại cải tiến 03 ngăn ($D \times R \times C = 4,0 \times 2,0 \times 3,0$), sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng ống thoát nước uPVC D250 dài 165m.

- Nước thải y tế: Nước thải loại này phát sinh từ nhiều khâu và quá trình khác

nhau trong Cơ sở như: giặt tẩy áo quần bệnh nhân, khăn lau, chăn mền, drap... cho các giường bệnh, nước súc rửa dụng cụ y khoa,... Tất cả nước thải y tế được thu gom theo đường ống thoát D114 PVC, ra hố ga thoát nước $D \times R \times C = 1,0 \times 1,0 \times 1,6$, xây bằng gạch chẻ dày 200, sau đó chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng ống thoát nước D250 PVC với tổng chiều dài 300 m, thu gom theo hình thức tự chảy. Riêng nước thải từ quá trình súc rửa dụng cụ xét nghiệm từ phòng xét nghiệm và nước thải tại phòng chụp X – Quang có chứa các hoá chất nên được thu gom, lưu chứa và xử lý chung với rác thải nguy hại.

Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải Cơ sở:



Hình 6. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải

Bảng 8. Thông số hệ thống thu gom nước thải của cơ sở

STT	Thông số kỹ thuật	Chiều dài (m)
1	Ống PVC D114	50
2	Ống PVC D250	400
3	Hố ga nước thải xây bằng gạch chẻ dày 100: 1,0x1,0x0,5	20 hố

STT	Thông số kỹ thuật	Chiều dài (m)
4	Hố ga nước thải xây bằng gạch chẻ dày 200: 1,0x1,0x1,6	05 hố
5	Ống PVC D168 thoát nước sau xử lý	10

(Nguồn: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu)

Hệ thống thu gom nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải phát sinh từ nhà giặt và nước thải y tế phòng xét nghiệm) được thiết kế riêng biệt so với hệ thống thu gom, thoát nước mưa cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu (xí, tiểu) được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC Ø90 mm và Ø114 mm về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại sẽ được dẫn về hố ga thu gom theo đường ống PVC Ø220 mm, sau đó theo đường ống qua các hố ga dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 100 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh, rửa dụng cụ xét nghiệm tại Trung tâm y tế được thu gom theo hệ thống đường ống PVC Ø90 và Ø114 dẫn về hố ga nước thải xung quanh Cơ sở, sau đó nước thải theo đường ống PVC Ø220 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 100 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động giặt quần áo, chăm mền, drap trải giường, khăn lau của bệnh nhân, tại Trung tâm y tế được thu gom theo hệ thống đường ống PVC Ø90 dẫn về hố ga nước thải xung quanh Cơ sở, sau đó nước thải theo đường ống PVC Ø220 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 100 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, rửa tay (lavabo, nhà giặt,...) tại Trung tâm y tế được thu gom (qua hệ thống bể rác, gạn tách dầu mỡ đối với nước thải nhà bếp) theo hệ thống đường ống PVC Ø60 và Ø90 dẫn về hố ga nước thải xung quanh Cơ sở, sau đó nước thải theo đường ống PVC Ø220 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 100 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý đạt quy

chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Toàn bộ nước thải phát sinh tại Trung tâm Y tế được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; nước thải sau xử lý bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải y tế (QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với hệ số $K=1,2$) trước khi theo đường cống D600 đầu nối vào hệ thống đường cống thoát nước chung của khu vực.

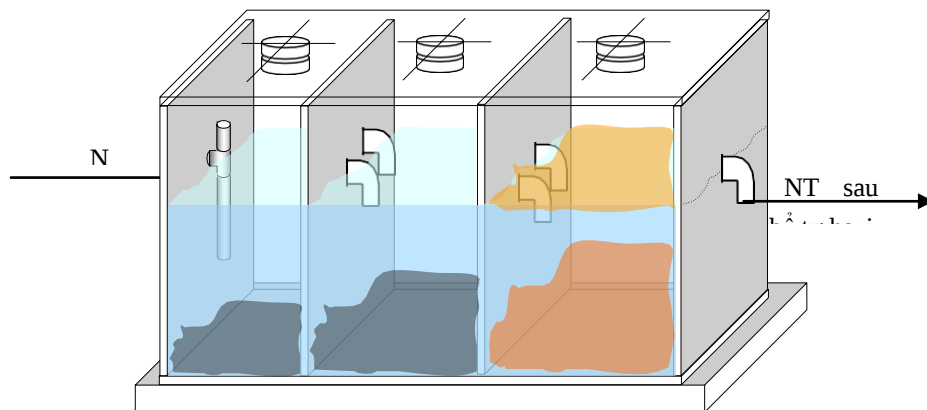
Vị trí xả nước thải: Nước thải từ Trung tâm y tế đầu nối vào cống thoát nước chung khu vực. Cửa xả là ống nhựa PVC D168. Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1228578$; $Y = 572210$.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

1.3. Xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.



Hình 7. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

❖ Thuyết minh quy trình hoạt động của bể tự hoại:

Nước thải từ can tin, sinh hoạt và nhà vệ sinh được thu gom riêng và được xử lý sơ bộ. Nước thải từ nhà bếp được cho qua hệ thống bẫy rác, gạn tách dầu mỡ và thức ăn thừa. Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn.

Bể tự hoại 3 ngăn có 3 ngăn và có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Bể có chức năng lắng và phân hủy cặn với hiệu suất xử lý 60 – 70%.

Nước thải được đưa vào ngăn thứ 1 của bể có vai trò làm bể chứa nước - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn của nước thải. Nước thải chảy qua bể lắng, tại đây xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Sau đó, nước thải qua ngăn lọc thoát ra ống dẫn.

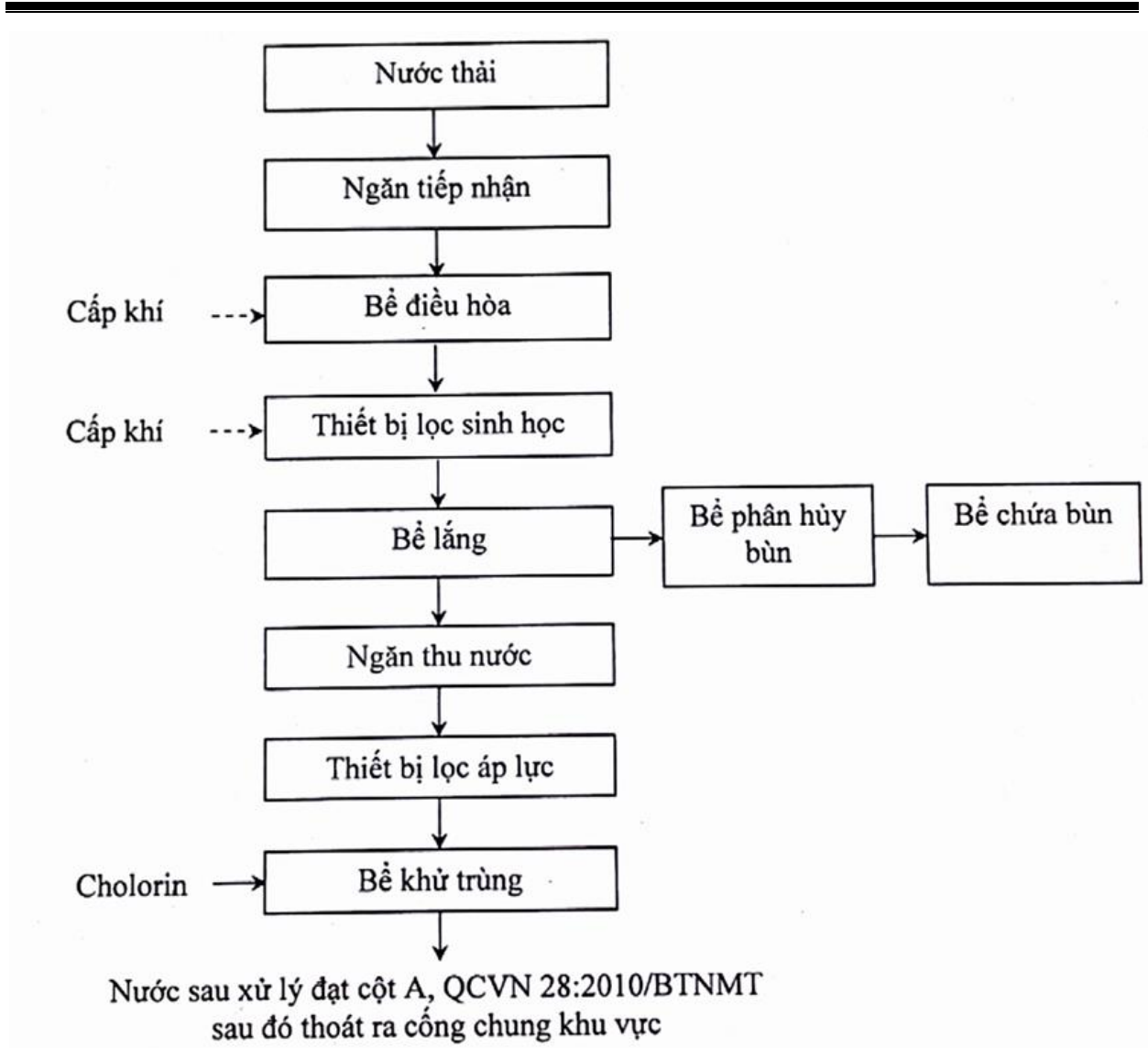
Lượng bùn sau thời gian lưu trong bể sẽ được đơn vị hút hầm cầu đến hút và vận chuyển đến nơi xử lý đúng quy định (định kỳ 2 lần/năm).

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm để tiếp tục xử lý tiếp.

b. Nước thải y tế:

Nước thải y tế phát sinh từ quá trình hoạt động khám chữa bệnh và quá trình điều trị bệnh của bệnh nhân. Các quá trình gặt tẩy áo quần bệnh nhân, rửa dụng cụ, tẩy trùng, điều trị và xét nghiệm rửa trôi các bệnh phẩm, ...loại nước thải này có chứa các chất hữu cơ và vi trùng gây bệnh cao.

Nguồn nước thải y tế là nguồn có chất ô nhiễm ở mức cao nhất và ảnh hưởng lớn đến môi trường. Do đó, nước thải y tế được thu gom và xử lý triệt để bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu công suất 100 m³/ngày.đêm đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT trước khi thoát ra cống thoát nước chung của khu vực với quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 8. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm

❖ Thuyết minh hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Trung tâm xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó cùng với nước thải y tế phát sinh được thu gom tập trung về hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm có công suất 100 m³/ngày.đêm để xử lý.

Nước thải y tế từ các khoa, phòng của Trung tâm y tế chảy qua ngăn tiếp nhận được loại bỏ rác tại song chắn rác, sau đó chảy về bể điều hòa, dưới tác dụng của hệ thống sục khí được cung cấp bởi máy thổi khí, tạo sự ổn định về lưu lượng và thành phần nước thải, tránh không để có hiện tượng lắng và lên men gây mùi hôi. Nước thải từ bể điều hòa được bơm vào bể sinh học hiếu khí tiếp xúc. Tại bể này các chất hữu cơ còn lại trong nước thải có khả năng phân hủy sinh học sẽ được vi sinh vật hiếu khí

sử dụng nhằm phát triển sinh khối.

Sau khi thực hiện quá trình phân hủy tại bể sinh học hiếu khí nước thải được dẫn vào bể lắng để lắng bùn hoạt tính sinh ra trong quá trình xử lý sinh học và các tế bào vi sinh vật chết.

Nước thải từ bể lắng được dẫn qua ngăn thu nước để bơm nước thải lên thiết bị lọc áp lực nhằm loại bỏ các cặn lơ lửng còn sót lại. Nước thải sau khi qua bể lọc áp lực được dẫn vào bể khử trùng đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT trước khi theo đường cống D 600 đầu nối vào hệ thống cống thoát nước chung khu vực thị trấn.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

2.1. Giảm thiểu tác động bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng:

Nguồn ô nhiễm từ hoạt động của máy phát điện không đáng kể do hoạt động của máy phát điện chỉ mang tính chất gián đoạn và được bố trí ở vị trí thích hợp nên tác động đến môi trường không đáng kể.

Trung tâm sử dụng biện pháp phát tán để pha loãng nồng độ khí thải nhờ ống khói. Ngoài ra, Trung tâm đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của máy phát điện gây ra như sau:

- Sử dụng dầu Diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (<0,5%);
- Sử dụng máy phát điện hiện đại, ít gây ồn và máy phát điện được trang bị hệ thống xử lý khí thải kèm theo;
- Lắp đệm chống ồn, rung trong quá trình lắp đặt máy phát điện;
- Bố trí máy phát điện trong phòng cách âm.

2.2. Giảm thiểu tác động của khí thải từ căn tin, nhà bếp:

Khí thải từ căn tin, nhà bếp được thu bằng các chụp hút khí có màng lọc dầu mỡ sau đó được phát tán qua ống khói trên mái nhà.

2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm mùi:

Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được giảm thiểu bằng cách xây dựng trạm xử lý nước thải xa khu vực khám chữa bệnh, cuối hướng gió và không nằm trên hướng gió chủ động để tránh phát tán mùi gây tác động đến nội vi Trung tâm Y tế và khu dân cư xung quanh. HTXL nước thải được xây dựng âm đất.

Mùi phát sinh từ các khu lưu chứa CTR được giảm thiểu bằng cách xây dựng các

kho lưu chứa chất thải cách biệt với khu khám chữa bệnh, được che chắn. Ngoài ra, còn sử dụng biện pháp phun chế phẩm sinh học, hoá chất khử trùng để khử mùi và tiêu diệt vi sinh vật gây bệnh.

Mùi phát sinh từ các chất sát trùng ở các phòng khám, phòng điều trị được giảm thiểu bằng cách trang bị hệ thống quạt trần thông gió.

Tại các nơi phát sinh mùi tăng cường chất lượng công tác vệ sinh, lau chùi, rửa sạch những nơi thường phát sinh mùi.

2.4. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và ô nhiễm không khí từ hoạt động của máy móc thiết bị và phương tiện giao thông:

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực do tiếng ồn và độ rung từ hoạt động của các trang thiết bị, máy móc Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã thực hiện các biện pháp sau:

- ✓ Xây dựng, bố trí phòng đặt máy móc thiết bị hợp lý.
- ✓ Các chân đế, bệ máy sẽ được gia cố bằng bê tông chất lượng cao.
- ✓ Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.
- ✓ Kiểm tra độ cân bằng và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
- ✓ Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị máy

móc.

Việc xây dựng các khu khám chữa bệnh, phòng điều trị, khu văn phòng được tiến hành đồng thời với việc lắp đặt thông gió, điều hoà không khí trong các khối nhà theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

Hàng ngày số lượng người ra vào Trung tâm rất đông, kèm theo là các phương tiện giao thông, xe cộ, do đó bụi và các khí ô nhiễm từ hoạt động giao thông bên ngoài sẽ gây ảnh hưởng đến bệnh nhân, đội ngũ cán bộ nhân viên y tế. Vì vậy, cần nâng cao mật độ cây xanh, để giảm thiểu cũng như hấp thụ phần nào bụi và các chất ô nhiễm từ hoạt động giao thông.

Ngoài ra còn có các giải pháp quản lý và kỹ thuật sau:

- ✓ Các phòng được xây dựng lắp ráp cửa kiếng để cách âm, hạn chế tiếng ồn để tránh ảnh hưởng đến sức khoẻ bệnh nhân, nhân viên y tế, ...
- ✓ Quy hoạch bố trí cây xanh nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí và tiếng ồn đồng thời tạo cảnh quan và môi trường trong lành giúp cho quá trình điều trị hiệu quả.

- ✓ Thường xuyên vệ sinh, lau chùi các cửa kính, khu vực sân bãi.
- ✓ Thường xuyên phun nước xung quanh các phân khu chức năng, đặt biệt là vào những ngày nắng nóng.
- ✓ Xây dựng tường rào xung quanh khu đất của Trung tâm Y tế nhằm hạn chế lan truyền tiếng ồn từ khu vực bên ngoài vào Trung tâm tránh ảnh hưởng đến tâm lý và sức khoẻ bệnh nhân cũng như cán bộ nhân viên Y tế làm việc tại Trung tâm.
- ✓ Quy định giảm tốc độ của xe ra vào Trung tâm.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

CTRSRSH phát sinh của Trung tâm chủ yếu là rác thải hữu cơ (rau, củ quả, thực phẩm thừa, lá cây, giấy vụn, ...) và rác thải vô cơ (Nylon, vỏ lon, thủy tinh, ...) từ hoạt động sinh hoạt hằng ngày của bệnh nhân và cán bộ nhân viên y tế.

Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD và văn bản số 1923/UBND-KT ngày 26/6/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phương pháp xác định khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, thu gom, xử lý ta có thể xác định hệ số phát thải chất thải rắn của Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu là 0,8 kg/người/ngày.

- Số lượng cán bộ nhân viên y tế của Trung tâm là 82 người. Vậy khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ cán bộ nhân viên y tế là 65,6 kg/ngày.
- Số lượng bệnh nhân nội trú là 50 giường mỗi giường khoảng 1 thân nhân. Vậy khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các bệnh nhân và thân nhân là 80 kg/ngày.
- Số lượng bệnh nhân điều trị ngoại trú khoảng 100 lượt/ngày, số bệnh nhân này không lưu trú lại Trung tâm chỉ khám và điều trị trong ngày nên hệ số phát thải chất thải rắn sinh hoạt từ các bệnh nhân ngoại trú được ước tính bằng 0,4 kg/người/ngày. Vậy khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ việc khám chữa bệnh ngoại trú là 40 kg/ngày.

Vậy tổng khối lượng CTRSH của Trung tâm phát sinh khoảng 185,6 kg/ngày.

Để giảm thiểu và kiểm soát các tác động do chất thải rắn sinh hoạt gây ra Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã thực hiện các biện pháp sau:

- + Được phân loại ngay tại nguồn phát sinh và thời điểm phát sinh vào các thùng

chứa rác màu xanh có lót túi màu xanh, bên ngoài có dán nhãn tên loại chất thải theo đúng quy định của Bộ Y, thu gom riêng chất thải rắn sinh hoạt với chất thải thông thường và chất thải y tế nguy hại (bao gồm: Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm và chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm).

+ Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã bố trí thùng rác 20 lít, 50 lít, 240 lít tại các nơi phát sinh như khu chức năng, nhà ăn, nhà bếp, văn phòng, dọc lối đi tại các vị trí thích hợp trong khuôn viên Trung tâm.

+ Hằng ngày rác thải sinh hoạt phát sinh được thu gom tập trung về kho chứa CTRSH của Trung tâm bởi đội ngũ nhân viên quét dọn vệ sinh, sau đó bàn giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đã ký hợp đồng.

+ Hiện tại, Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã bố trí kho lưu giữ tạm thời CTRSH có diện tích khoảng 8 m², được thiết kế có nền bê tông xây cao khoảng 0,2m so với nền sân Trung tâm, có mái che và được bao quanh bởi các tấm tôn, đặt tại khu riêng biệt cách xa khu khám chữa bệnh và thuận tiện cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý.

+ Hiện tại Trung tâm đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Thành phần gồm:

+ Chất thải y tế thông thường có thể tái chế phát sinh từ hoạt động chuyên môn, y tế như các chai, lọ thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa, các loại bột bó trong xương gãy kín, ... những chất thải này không bị dính máu, dịch sinh học và các chất hoá học nguy hại.

+ Chất thải phát sinh từ các công việc hành chính như Giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng carton, túi nilon, túi đựng phim,

Khối lượng CTR CNTT phát sinh khoảng 100 kg/tháng được thu gom và phân loại và lưu giữ riêng biệt với chất thải khác.

Các chất thải phát sinh trên được nhân viên tạp vụ phân loại, thu gom cho vào các bao tải tập trung vào kho chứa và bán cho đơn vị tái chế đúng theo quy định.

Trung tâm đã bố trí kho rác CTRCNTT có diện tích khoảng 8 m² có nền bằng bê tông đổ cao so với sân, bãi của Trung tâm khoảng 0,2 m, có tường bao quanh, mái che

chấn để lưu giữ tạm thời CTRCNTT phát sinh trong thời gian chờ bàn giao cho đơn vị có nhu cầu.

Hiện tại Trung tâm đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý đối với các chất thải rắn thông thường theo đúng quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

CTNH phát sinh của Trung tâm chủ yếu là chất thải y tế nguy hại (bao gồm chất thải y tế lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm); bùn thải từ HTXL nước thải và các chất thải nguy hại khác như thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế, ...), bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải, ... cụ thể như sau:

❖ Chất thải y tế nguy hại:

Thành phần:

- Chất thải y tế sắc nhọn là những chất thải có thể gây ra các vết cắt hoặc chọc thủng, có thể nhiễm khuẩn, gồm bơm kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, lưỡi dao mổ, đinh mổ, cưa, các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ, ...Đựng trong thùng hoặc hộp có màu vàng.

- Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn là các chất thải thấm máu, dịch sinh học của cơ thể và chất thải từ buồng bệnh cách ly được đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi màu vàng.

- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao là chất thải phát sinh từ phòng xét nghiệm như: bệnh phẩm và các dụng cụ đựng dính bệnh phẩm được đựng trong thùng hoặc trong thùng có lót túi màu vàng.

- Chất thải giải phẫu gồm các mô, cơ quan, bộ phận cơ thể người, nhau thai, bào thai được đựng trong 2 lần túi hoặc trong thùng có lót túi có màu vàng.

Phương pháp xử lý: toàn bộ rác thải y tế nguy hại lây nhiễm được phân loại và lưu trữ vào kho riêng biệt diện tích khoảng 8 m², có nền xây cao hơn so với nền sân Trung tâm khoảng 0,2 m, mái che, tường bao quanh và có cửa để cách ly tránh người ngoài đi vào. Đối với chất thải y tế có nguy cơ lây nhiễm cao phải được xử lý sơ bộ trước khi thu gom về kho lưu giữ.

❖ Bùn thải từ HYTXL nước thải:

Nước thải của Trung tâm chứa nhiều thành phần nguy hại nên bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải phải được quản lý chặt chẽ. Bùn thải từ HTXL nước thải phát sinh khoảng 5 kg/ngày được đưa qua máy ép bùn để loại bỏ nước và thuê đơn vị có chức năng để xử lý.

❖ Các chất thải nguy hại khác không lây nhiễm:

Chất thải nguy hại còn lại là bóng đèn huỳnh quang; thủy tinh hoạt tính thải; rác thải y tế nguy hại không lây nhiễm như các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế,).

Toàn bộ rác thải nguy hại không lây nhiễm được phân loại riêng biệt và thu gom về kho chứa rác thải nguy hại tạm thời, nền xây cao hơn so với nền sân Trung tâm khoảng 0,2 m bằng bê tông chống thấm thấu, có tường gạch bao quanh, mái che và cửa.

Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 72000424.T của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 08/5/2014.

Bảng 9. Khối lượng CTNH phát sinh của Trung tâm.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải ^(KS)	Rắn	200	18 01 03
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải ^(KS)	Rắn	500	18 01 01
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	3.300	13 01 01
4	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	20	13 01 02
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	300	16 01 06

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
6	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế, ...)	Rắn	10	13 03 02
	Tổng		4.330	

(Nguồn: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu)

Ghi chú: (KS) là chất thải công nghiệp phải kiểm soát, cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hay chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT – BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Hiện tại, Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã ký Hợp đồng kinh tế về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải (y tế) nguy hại số 2502-267/HĐ-MĐ ngày 10/02/2025 với Công ty CP môi trường Miền Đông để thu gom và xử lý rác thải nguy hại của Trung tâm (hợp đồng đính kèm phụ lục).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

➤ Giảm thiểu tiếng ồn từ hoạt động của phương tiện giao thông Trung tâm đã thực hiện:

- Tất cả các phương tiện cấp cứu phục vụ cho Trung tâm đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm và của ngành y tế mới được phép lưu thông.

- Phương tiện vận tải chuyên dụng khi lưu thông trong khuôn viên Trung tâm chỉ được phép mở còi hụ vào ban ngày, ban đêm chỉ được mở đèn tín hiệu cấp cứu không được mở còi cấp cứu.

- Xe của các bệnh nhân đến khám ngoại trú và thân nhân bệnh nhân nội trú chỉ được lưu thông từ cổng Trung tâm đến bãi xe hoặc đến phòng cấp cứu khi thật cần thiết và đậu xe tại bãi xe. Nghiêm cấm các phương tiện không phải là xe cấp cứu lưu thông trong khu vực điều trị bệnh.

- Các xe vận chuyển hàng hoá, thu gom chất thải nguy hại chỉ được phép lưu thông khi cần thiết tránh gây ảnh hưởng đến thân nhân và bệnh nhân điều trị.

➤ *Giảm thiểu tiếng ồn và độ rung từ hoạt động của máy phát điện:*

- Phòng đặt máy phát điện được xây dựng đúng kỹ thuật, đặt tại khu vực riêng biệt nhằm hạn chế các tác động đến môi trường xung quanh. Ngoài ra, Trung tâm còn thực hiện các biện pháp sau để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện.

- + Sử dụng máy phát điện hiện đại.
- + Đặt máy phát điện cách xa các khu vực văn phòng, khu vực điều trị bệnh và các khu vực nhạy cảm khác
- + Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.
- + Chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng khi gặp sự cố về điện.
- + Có kế hoạch thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

6.1. Biện pháp an toàn lao động, giảm thiểu tai nạn nghề nghiệp:

Ngoài các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm đã nêu trên, các phương án nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực đến sức khỏe của công nhân cũng được thực hiện như:

- Kiểm tra, giám sát sức khỏe định kỳ cho nhân viên.
- Tập huấn về an toàn lao động cho công nhân viên.

Tai nạn nghề nghiệp tại Trung tâm y tế xảy ra thông thường là các trường hợp lây nhiễm khuẩn từ người bệnh sang nhân viên y tế. Một số biện pháp giảm thiểu đối với sự cố nhiễm khuẩn được áp dụng tại bệnh viện như sau:

- Phát hiện, giám sát và báo cáo dịch bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm.
- Phát hiện, nhận báo cáo các trường hợp nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế từ các khoa lâm sàng và kết quả nuôi cấy vi khuẩn từ Khoa xét nghiệm và đề xuất các giải pháp can thiệp kịp thời.
- Theo dõi và báo cáo các vi khuẩn kháng thuốc.
- Kiểm tra, đôn đốc CBCNV làm việc tại Trung tâm, người bệnh, thân nhân và người đến khám ngoại trú thực hiện đúng quy định kiểm soát nhiễm khuẩn trong công tác khám chữa bệnh.
- Tuyên truyền, huấn luyện, nghiên cứu khoa học, tham gia hợp tác quốc tế và chỉ đạo tuyến dưới về kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Quản lý, giám sát các hoạt động khử khuẩn, tiêu khuẩn, giặt là, cung cấp dịch vụ vô khuẩn, đồ vải và vật tư tiêu hao phục vụ công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong toàn đơn vị.

- Theo dõi, đánh giá, báo cáo phơi nhiễm và tai nạn rủi ro nghề nghiệp liên quan đến tác nhân vi sinh vật của bác sĩ, nhân viên y tế.

- Phối hợp với các khoa, phòng, các thành viên mạng lưới kiểm soát nhiễm khuẩn phát hiện, giải quyết các vấn đề liên quan tới công tác kiểm soát nhiễm khuẩn.

6.2. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố cháy, nổ và sự cố do chất thải nguy hại:

Để ngăn ngừa sự cố môi trường như rò rỉ nguyên liệu và hóa chất, chất phóng xạ dùng trong y tế, thường xuyên kiểm tra các đường ống nhập xuất nguyên liệu và các máy móc, thiết bị y tế trong quá trình sử dụng. Đồng thời có biện pháp khắc phục sửa chữa kịp thời sự cố.

Hệ thống cứu hỏa đã được bố trí phù hợp và đáp ứng đủ các tiêu chuẩn PCCC trong khu vực dự án: khoảng cách của các công trình phụ trợ > 10m đủ điều kiện cho người và phương tiện di chuyển khi có cháy, giữ khoảng cách rộng cần thiết để ngăn cách đám cháy lan rộng.

Các họng lấy nước cứu hỏa bố trí đều khắp phạm vi trong bệnh viện và gần các khu vực dễ cháy, nổ, kết hợp với các dụng cụ chữa cháy như CO₂, bình bột trong từng công trình xây dựng và đặt ở những địa điểm thao tác thuận tiện.

Hệ thống phun nước chữa cháy tự động theo giới hạn nhiệt độ 70⁰C bố trí đều trên mái kết hợp hệ thống bơm điều khiển bằng áp lực trong đường ống hoặc từ bể dự trữ nước trên cao.

Trung tâm sẽ tiến hành phổ biến, cho treo các biển báo cấm CBCNV không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện trong các khu vực có thể gây cháy.

Lắp đặt hệ thống chống sét cho các vị trí cao khu vực dự án. Lắp đặt hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ và cải tiến hệ thống theo các công nghệ mới nhằm đảm bảo đạt độ an toàn cao cho các hoạt động của máy móc, thiết bị của cơ sở.

6.3. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

Vận hành và bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên

theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

Trong quá trình thiết kế, thi công xây dựng hệ thống xử lý nước thải luôn luôn có thiết bị dự phòng đi kèm.

Trang bị đầy đủ các máy móc, thiết bị dự phòng của HTXL nước thải. Nếu có sự cố hư, hỏng thiết bị sẽ được thay thế kịp thời.

Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

Kiểm soát chặt chẽ nước thải đầu ra của hệ thống xử lý, Trung tâm thực hiện lắp đồng hồ đo lưu lượng ngay sau đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

Nhanh chóng khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất để hệ thống xử lý được vận hành liên tục.

Quản lý, giám sát chặt chẽ, phát hiện, ứng phó tại chỗ và thông báo kịp thời cho các đơn vị chức năng khi có sự cố lớn phối hợp cùng giải quyết.

6.4. Phòng chống dịch bệnh:

Việc chữa trị các bệnh truyền nhiễm phải tuân thủ theo quy định của Bộ Y tế để chống lây lan ô nhiễm xảy ra dịch bệnh. Cách ly người bệnh truyền nhiễm tiếp xúc với bên ngoài và bệnh nhân phải được chăm sóc bệnh đặc biệt. Khi xảy ra dịch bệnh phải cấp báo với cơ quan chức năng và cùng phối hợp xử lý.

6.5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:

Để tránh hiện tượng tràn đổ, rò rỉ hóa chất, trong kho bảo quản phải sắp xếp các lô hóa chất ngay ngắn theo đúng khu vực riêng. Không được xếp chồng lên nhau hoặc xếp cao quá chiều cao quy định có thể gây nghiêng đổ (phụ thuộc khi xếp chồng không quá 2 lớp, chiều cao của các lô hàng không quá 2 m), lối đi giữa các lô hàng hóa tối thiểu là 1,5 m. Từng lô hàng được đánh dấu, ghi bảng tên để thuận tiện cho công tác kiểm tra và giám sát.

Hóa chất được bảo quản trong các thùng kín, để thùng đứng có nắp đậy chặt. Khu vực lưu chứa hóa chất được bố trí riêng biệt, ít người qua lại.

Tập huấn cho nhân viên các bước sử dụng hóa chất đúng quy cách hướng dẫn, bước sơ ứng cứu khi xảy ra sự cố tiếp xúc, đổ tràn hóa chất bất ngờ xảy ra. Khi sử

dụng các loại hóa chất luôn phải thực hiện 02 người: 01 người thực hiện và 01 người giám sát, sơ ứng cứu khi sự cố xảy ra (nếu có)

Trang bị dụng cụ, găng tay, kính bảo hộ, quần áo bảo hộ khi thao tác trực tiếp với hóa chất.

Trong quá trình nhập kho, cần kiểm tra kỹ bao bì, phuy cal chứa hóa chất để đảm bảo không bị nứt, vỡ thùng chứa, rách, thùng bao bì, tránh hiện tượng rò rỉ, tràn đổ. Nếu phát hiện có hiện tượng nứt vỡ, rách thùng thì phải để riêng và xử lý trước khi nhập kho.

Trường hợp tràn đổ, rò rỉ hóa chất, dùng vải thấm hết phân hóa chất tràn đổ, cho vào túi nilong kín, thu gom về khu vực lưu trữ chất thải nguy hại. Trong quá trình thực hiện phải đeo găng tay cao su, đeo kính bảo hộ để tránh hóa chất bám dính trực tiếp vào người, nhất là các phần nhạy cảm trên cơ thể (mắt, cổ, miệng, tay...)

Dán nhãn tên kèm hướng dẫn sử dụng rõ ràng trên thùng chứa, can chứa hoặc treo cạnh thùng đặt hóa chất.

6.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó về an toàn bức xạ:

Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người vận hành máy móc, trang bị các thiết bị che chắn thích hợp. Nhân viên điều khiển máy X – quang được trang bị lều kê cá nhân và được kiểm tra sức khỏe định kỳ.

Bố trí, sắp xếp các vị trí đặt máy móc thiết bị có phát sinh bức xạ phải tuân thủ các yêu cầu về an toàn phóng xạ. Theo tiêu chuẩn thiết kế - phòng chuẩn đoán hình ảnh : X – quang đảm bảo các yêu cầu sau:

*** Tiêu chuẩn thiết kế:**

Kết cấu công trình đảm bảo độ bền vững (sử dụng khung cốt thép, BTCT). Tường gạch và các vật liệu hoàn thiện bao che.

Nền, sàn không có bậc thang, không chênh cốt hoặc ngưỡng cửa, lát gạch ceramic, đảm bảo phẳng, nhẵn, không trơn trượt, chịu được hóa chất, chống thấm, chống tĩnh điện và dễ vệ sinh.

Tường bên trong các phòng chiếu, chụp có sử dụng vật liệu cản tia bức xạ (ví dụ: Chì lá, vữa Barit, cao su chì,...).

Trần bên trong phòng và hành lang có bề mặt phẳng, nhẵn và chống thấm, cách nhiệt tốt, có lắp đặt các thiết bị chiếu sáng, PCCC, điều hòa không khí và các thiết bị

kỹ thuật (có các giải pháp kết cấu đảm bảo lắp đặt thiết bị)

Cửa chắn tia bức xạ đảm bảo các yêu cầu: cánh cửa bọc vật liệu cản tia bức xạ (chì lá, cao su chì, ...). Có đèn hiệu, biển cảnh báo bức xạ ở ngang tầm mắt ở phía bên ngoài phòng. Cửa đóng mở nhẹ nhàng, đảm bảo kín không để lọt tia bức xạ khi chiuso, chụp.

Cửa sổ đảm bảo các yêu cầu sau: có khuôn, cánh cửa bằng gỗ hoặc kim loại (nhôm, thép,...) kết hợp với kính trong hoặc mờ để chiếu sáng tự nhiên và có chốt đóng an toàn.

*** Phòng đặt thiết bị bức xạ:**

Đặt xa các khu vực đông người, khu vực khoa sản và khoa nhi, các khoa khác của bệnh viện không có liên quan trực tiếp đến bức xạ và cách xa lối đi công cộng.

Phòng X – quang có kích thước theo quy định theo tiêu chuẩn Việt Nam, cửa sổ thông khí không thấp hơn 2 m so với sàn phía ngoài.

Khi tính toán, thiết kế chiều dày tường, sàn, trần, cửa ra vào của phòng đặt thiết bị bức xạ chú ý các thông số thiết bị (điện thế, cường độ dòng điện, ...), hệ số sử dụng thiết bị, hệ số chiếm cứ của từng khu vực bên ngoài phòng đặt thiết bị nhằm đảm bảo giữ liều giới hạn hàng năm đối với dân chúng ở ngoài phòng là 01 mSv.

Thiết bị được che chắn sao cho liều giới hạn hàng năm đối với nhân viên vận hành máy không vượt quá 20 mSv. Vật liệu dùng để che chắn bức xạ là bọc chì.

*** Bố trí thiết bị bức xạ:**

Mỗi phòng chỉ được đặt một thiết bị bức xạ. Trường hợp phòng đã đặt hai máy X – quang thì hai máy không được đồng thời hoạt động trong cùng một thời điểm.

Tủ điều khiển thiết bị bức xạ được đặt bên ngoài, sát phòng đặt thiết bị.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết:

**Bảng 10. Thống kê những nội dung thay đổi so với
đề án bảo vệ môi trường chi tiết**

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong đề án BVMT chi tiết	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Ghi chú
1	Lò đốt chất thải rắn y tế	- Lắp đặt 01 lò đốt chất thải rắn y tế.	Lò đốt chất thải rắn y tế đã hư, ngưng hoạt động từ	

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong đề án BVMT chi tiết	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Ghi chú
		Nguyên lý hoạt động: thiêu đốt 02 cấp (sơ cấp và thứ cấp), đảm bảo áp suất âm trong lò đốt khi vận hành. Quy trình đốt: Chất thải y tế → Buồng sơ cấp → Buồng thứ cấp → Khí thải thoát ra môi trường. Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2012/BTNMT, cột B.	năm 2020. Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại với Công ty CP môi trường Miền Đông để thu gom, xử lý chất thải rắn y tế phát sinh tại cơ sở theo đúng quy định.	

8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Cơ sở không thuộc đối tượng phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

CHƯƠNG IV.

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

Các nguồn phát sinh nước thải tại Trung tâm Y tế và lưu lượng nước thải phát sinh chi tiết như sau:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên, lưu lượng phát sinh khoảng 6,56 m³/ngày.đêm

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ người bệnh khám ngoại trú, lưu lượng phát sinh khoảng 4 m³/ngày.đêm

+ Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của thân nhân chăm sóc bệnh nội trú, lưu lượng phát sinh khoảng 4 m³/ngày.đêm

+ Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của bệnh nhân điều trị nội trú, lưu lượng phát sinh khoảng 12,5 m³/ngày.đêm

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

Lưu lượng xả thải tối đa xin cấp phép: 27,06 m³/ngày.đêm.

1.3. Dòng nước thải:

- 01 dòng nước thải: gồm nguồn thải số 01 thu gom về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ sau đó cùng với nguồn thải số 02, 03, 04 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở có công suất thiết kế 100 m³/ngày.đêm.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm có công suất thiết kế 100 m³/ngày.đêm theo đường cống D600 đến hố ga đầu nối vào hệ thống cống thoát nước chung của khu vực thị trấn Bến Cầu.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A (K = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	06 tháng/lần	<i>Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự</i>
2	TSS	mg/l	50		
3	BOD ₅	mg/l	30		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A (K = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
4	COD	mg/l	50		<i>động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP</i>
5	Amoni	mg/l	5		
6	Nitrat	mg/l	30		
7	Sulfua	mg/l	1		
8	Phosphate	mg/l	6		
9	Dầu mỡ động vật	mg/l	10		
10	Coliforms	MPN/100 ml	3.000		
11	Salmonella	CFU/100 ml	KPH		
12	Shigella	CFU/100 ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	CFU/100 ml	KPH		

1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: Hồ ga cuối cùng của Trung tâm trước khi đầu nối vào hệ thống đường cống thoát nước chung của khu vực.

- Tọa độ vị trí hồ ga đầu nối vào hệ thống cống thoát nước chung khu vực:

X = 1228 578; Y = 572 210

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

- Phương thức xả thải: tự chảy

- Nguồn tiếp nhận: nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với hệ số K=1,2 theo đường cống D600 đầu nối vào hệ thống đường cống thoát nước chung của khu vực.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Do loại hình hoạt động của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu là khám, chữa bệnh, chăm sóc bệnh nhân nên quá trình hoạt động không phát sinh khí thải. Khí thải phát sinh chủ yếu của Trung tâm là từ máy phát điện dự phòng; hoạt động giao thông ra vào Trung tâm. Tuy nhiên, nguồn phát sinh này là nguồn phát sinh gián đoạn không

liên tục (chỉ khi Trung tâm mất điện) và máy phát điện của Trung tâm dùng là loại hiện đại có sử dụng các biện pháp nhằm kiểm soát các tác động từ máy phát điện gây ra nên nguồn này gây ảnh hưởng đến môi trường không đáng kể.

2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn phát sinh: Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu DO để vận hành máy phát điện dự phòng công suất 210 KVA. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện, khí thải được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống Ø160mm cao 5m, vật liệu SUS304, độ dày 3mm.

2.2. Dòng khí thải:

Dòng khí thải: Có 01 dòng khí thải từ quá trình đốt dầu DO vận hành máy phát điện dự phòng thoát ra 01 ống thải cao 5 m.

2.3. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Dòng khí thoát ra ống thải với lưu lượng lớn nhất là 500 m³/giờ.

2.4. Vị trí, phương thức và chế độ xả khí thải:

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu có tọa độ vị trí xả thải như sau: X = 1228 591; Y = 572 110.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

Phương thức và chế độ xả thải: Xả liên tục khi hoạt động máy phát điện dự phòng với phương thức phân tán ra môi trường thông qua ống thải cao.

2.5. Thành phần ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số K_p = 1,0; K_v = 1,0.

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu	m ³ /giờ	$P \leq 20.000$	Không thuộc đối	Không thuộc đối

	lượng			tượng quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại điểm c khoản 1, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
--	-------	--	--	---	---

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (nguồn gián đoạn không liên tục chỉ sử dụng khi Trung tâm tạm thời mất điện);
- Nguồn số 02: Khu vực máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X= 1228 591; Y= 572 110.
- Nguồn số 02: X= 1228 578, Y= 572 210

3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn áp dụng đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Giá trị giới hạn áp dụng đối với độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung.

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn:

4.1. Chất thải rắn nguy hại:

Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải ^(KS)	Rắn	200	18 01 03
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải ^(KS)	Rắn	500	18 01 01
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	3.300	13 01 01
4	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	20	13 01 02
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	300	16 01 06
6	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế, ...)	Rắn	10	13 03 02
Tổng			4.330	

(Nguồn: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu)

Ghi chú: (KS) là chất thải công nghiệp phải kiểm soát, cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hay chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT – BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi

trường.

Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa chất thải:

+ Chất thải y tế sắc nhọn là những chất thải có thể gây ra các vết cắt hoặc chọc thủng, có thể nhiễm khuẩn, gồm bơm kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, lưỡi dao mổ, đinh mổ, cưa, các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ, ...Đựng trong thùng hoặc hộp có màu vàng.

+ Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn là các chất thải thấm máu, dịch sinh học của cơ thể và chất thải từ buồng bệnh cách ly được đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi màu vàng.

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao là chất thải phát sinh từ phòng xét nghiệm như: bệnh phẩm và các dụng cụ đựng dính bệnh phẩm được đựng trong thùng hoặc trong thùng có lót túi màu vàng.

+ Chất thải giải phẫu gồm các mô, cơ quan, bộ phận cơ thể người, nhau thai, bào thai được đựng trong 2 lần túi hoặc trong thùng có lót túi có màu vàng.

Bố trí kho lưu chứa tạm thời CTNH có diện tích khoảng 8 m², có thiết kế, cấu tạo của kho chứa: nền xây cao hơn so với nền sân Trung tâm khoảng 0,2 m, mái che, tường bao quanh và có cửa để cách ly tránh người ngoài đi vào. Đối với chất thải y tế có nguy cơ lây nhiễm cao phải được xử lý sơ bộ trước khi thu gom về kho lưu giữ; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Biện pháp xử lý: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã ký Hợp đồng về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại số 2502-267/HĐ-MĐ ngày 10/02/2025 với Công ty CP môi trường Miền Đông.

4.2. Chất thải rắn thông thường:

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh thường xuyên.

STT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Túi nilong, thùng carton, vỏ thuốc	Tấn/năm	0,5
2	Chai lọ thủy tinh không nguy hại	Tấn/năm	0,3
Tổng			0,8

 **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

- Thiết bị lưu chứa: Bao tải, thùng chứa có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: diện tích khoảng 8 m² nền bằng bê tông đổ cao so với sân, bãi của Trung tâm khoảng 0,2 m, có tường bao quanh, mái che chắn để lưu giữ tạm thời CTR thông thường phát sinh.
- Biện pháp xử lý: lưu trữ tạm thời trong kho chứa chờ bàn giao cho đơn vị có nhu cầu.

4.3. Chất thải rắn sinh hoạt:

Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên.

STT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	CTRSH phát sinh từ cán bộ nhân viên y tế	kg/ngày	65,6
2	CTRSH phát sinh từ các bệnh nhân và thân nhân	kg/ngày	80
3	CTRSH phát sinh từ bệnh nhân khám ngoại trú	kg/ngày	40
Tổng khối lượng			185,6

 **Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thùng rác 20 lít, 50 lít, 240 lít có lót túi màu xanh tại các nơi phát sinh như khu chức năng, nhà ăn, nhà bếp, văn phòng, dọc lối đi tại các vị trí thích hợp trong khuôn viên Trung tâm.
- Khu vực lưu chứa: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã bố trí kho chứa CTRSH có diện tích khoảng 8 m² trong khuôn viên của cơ sở, được thiết kế có nền bê tông xây cao khoảng 0,2m so với nền sân Trung tâm, có mái che và được bao quanh bởi các

tắm ton, đặt tại khu riêng biệt cách xa khu khám chữa bệnh và thuận tiện cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

CHƯƠNG V.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

1.1. Tóm tắt tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện:

- Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 25/4/2015.

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống xử lý nước thải.

- Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 100 m³/ngày đêm của cơ sở để xử lý đạt cột A, QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

- Về công tác xử lý khí thải:

Trung tâm không phát sinh khí thải trong quá trình hoạt động. Khí thải phát sinh tại Trung tâm chủ yếu từ các phương tiện giao thông ra vào và máy phát điện dự phòng. Tuy nhiên, các nguồn phát sinh này là nguồn phát sinh gián đoạn không liên tục, không thường xuyên, lưu lượng phát sinh thấp và luôn thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nên hầu như không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Các biện pháp giảm thiểu như:

- Ban hành các nội quy dành cho các loại xe ra vào bệnh viện;
- Các tuyến đường giao thông nội bộ thường xuyên được vệ sinh quét dọn thu gom rác;
- Sử dụng máy phát điện hiện đại, nhiên liệu dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp;
- Đặt máy phát điện trên các chân đệm bằng cao su;
- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi

tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã ký Hợp đồng thu gom, xử lý CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH với đơn vị có chức thu gom, xử lý chất thải rắn theo đúng quy định:

+ Hợp đồng về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại số 2502-267/HĐ-MĐ ngày 10/02/2025 với Công ty CP môi trường Miền Đông.

- Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024 gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.

1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền.

Trong năm 2024, Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã tiến hành sửa chữa hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 100 m³/ngày đêm của Cơ sở và đã có Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc để bàn giao đưa vào sử dụng hệ thống xử lý nước thải ngày 20/6/2024 với Công ty TNHH xây dựng và môi trường Ngôi nhà Xanh.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

Năm 2024 của Trung tâm y tế huyện Bến Cầu tổng lưu lượng nước thải phát sinh tại Cơ sở là 27,06 m³/ngày đêm.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 100 m³/ngày đêm của cơ sở đã được sửa chữa và đã có Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục sửa chữa để bàn giao đưa vào sử dụng tại Biên bản ngày 20/6/2024 (đính kèm Biên bản ở Phụ lục báo cáo).

Do đó, Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã thực hiện quan trắc nước thải tại đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải, kết quả quan trắc cụ thể như sau:

Bảng 11. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý năm 2024

STT	Thông số	Đơn vị	Kết Quả			QCVN 28:2010/BTNMT cột A (C _{max} =1,2)
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
1	pH	mg/l	6,72	6,78	6,88	6,5 – 8,5
2	COD	mg/l	11	30	12	60
3	BOD ₅	mg/l	7	19	8	36
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	5	2	12	60
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	KPH (<0,4)	KPH (<0,4)	KPH (<0,4)	6
6	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	KPH (<1,5)	KPH (<1,5)	KPH (<1,5)	12
7	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,030	KPH (<0,03)	KPH (<0,03)	1,2
8	Tổng Coliforms	MPN /100ml	KPH (<1,8)	KPH (<1,8)	KPH (<1,8)	3.000
9	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	0,6	0,8	1,00	36
10	Photphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	0,07	0,12	0,120	7,2
11	Salmonella	Vi khuẩn /100ml	KPH	KPH	KPH	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn /100ml	KPH	KPH	KPH	KPH
13	Vibrio cholera	Vi khuẩn /100ml	KPH	KPH	KPH	KPH

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện.

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

Nhận xét: Qua kết quả quan trắc cho thấy các thông số quan trắc chất lượng nước thải tại vị trí đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung quý II, III, IV năm 2024 đều nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế – QCVN 28:2010/BTNMT, cột A (với K=1,2)

3. Kết quả hoạt động của các công trình xử lý bụi, khí thải:

Trung tâm y tế huyện Bến Cầu trong quá trình hoạt động không phát sinh khí thải (không sử dụng lò đốt rác). Bụi, khí thải phát sinh chủ yếu từ máy phát điện dự phòng và các phương tiện ra vào Trung tâm. Các nguồn phát sinh này đều là nguồn gián đoạn, không liên tục có lưu lượng nhỏ, Trung tâm đã áp dụng các biện pháp thông thường nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường nên sự ảnh hưởng từ các nguồn này đến môi trường của Trung tâm hầu như không đáng kể.

4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (không có)

5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (Không có)

6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

Qua kết quả Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024, kết quả thu gom, xử lý chất thải rắn tại Trung tâm y tế huyện Bến Cầu như sau:

Chất thải rắn sinh hoạt:

STT	CTRSH	Khối lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng quý gần nhất (kg)
1	Bao bì, giấy, nilông, nhựa, thức ăn thừa,...	3.207	Công ty Cổ phần Môi trường Xanh Tây Ninh	3.200
Tổng cộng		3.207		3.200

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của cơ sở chủ yếu là rác thải phát sinh trong quá trình sinh hoạt hàng ngày của công nhân viên, bệnh nhân đến khám,

chữa bệnh tại cơ sở bao gồm các loại rác vô cơ (bao bì, giấy, ni lông, nhựa, ...) và các chất hữu cơ (thức ăn thừa, lá cây,...), khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom và chứa trong thùng đựng rác chờ đơn vị có chức năng đến thu gom.

 Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

STT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Túi nilong, thùng carton, vỏ thuốc	Tấn/năm	0,5
2	Chai lọ thủy tinh không nguy hại	Tấn/năm	0,3
Tổng			0,8

(Nguồn: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu)

 Chất thải rắn nguy hại:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải ^(KS)	Rắn	200	18 01 03
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải ^(KS)	Rắn	500	18 01 01
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	3.300	13 01 01
4	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	20	13 01 02
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	300	16 01 06
6	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế, ...)	Rắn	10	13 03 02
Tổng			4.330	

(Nguồn: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu)

Ghi chú: (KS) là chất thải công nghiệp phải kiểm soát, cần áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hay chất thải rắn công nghiệp thông thường

theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT – BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về môi trường đối với Cơ sở:

❖ Ngày 31/5/2023, Đoàn kiểm tra theo Thông báo số 3303/TB-STNMT ngày 16/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đã tiến hành kiểm tra thực tế tại Trung tâm y tế huyện Bến Cầu. Qua kết quả kiểm tra hồ sơ và thực tế hiện trạng, Đoàn kiểm tra ghi nhận một số tồn tại như sau:

- Trung tâm đã thực hiện kê thêm giường bệnh lên 65 giường (thay đổi so với hồ sơ môi trường đã phê duyệt) nhưng chưa báo cáo và lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường về cơ quan có chức năng thẩm định cấp phép.

- Hệ thống xử lý nước thải hư hỏng nhưng chưa cải tạo, sửa chữa.

- Chưa xây dựng kho lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm đúng theo quy định, chưa có kho chứa chất y tế tái chế.

- Chưa thực hiện công tác giám sát công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

- Chưa kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

❖ Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã có Báo cáo số 842/BC-TTYT ngày 08/6/2023 về việc báo cáo khắc phục các tồn tại theo ghi nhận của đoàn kiểm tra gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Giấy phép môi trường: Trung tâm đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn để tiến hành lập hồ sơ thực hiện lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024.

- Hệ thống xử lý nước thải: Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã gửi tờ trình về Sở Y tế Tây Ninh để xin chủ trương sửa chữa. Hiện nay, hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở đã được sửa chữa và đã có Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục sửa chữa để bàn giao đưa vào sử dụng tại Biên bản ngày 20/6/2024.

CHƯƠNG VI.

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Trung tâm y tế huyện Bến Cầu đã được UBND tỉnh Tây Ninh cấp Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết với quy mô, công suất hoạt động 50 giường bệnh.

Do đó, Trung tâm không vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải tại cơ sở.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định pháp luật:

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

2.1.1. Quan trắc nước thải:

+ Vị trí: 01 điểm tại đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 100 m³/ngày đêm.

+ Tần suất: 06 tháng/lần.

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Nitrat, Sulfua, Phosphat, Dầu mỡ động thực vật, Coliform, Salmonella, Shigella, Vibrio Cholerae.

+ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A, K =1,2 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

2.1.2. Quan trắc khí thải

Trung tâm Y tế huyện Bến Cầu không phát sinh khí thải trong quá trình vận hành nên không thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.

2.2. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải

2.2.1. Quan trắc nước thải

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại “46.Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 97” của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường”

2.2.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-Cp ngày 10/10/2022.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Công tác quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế thực hiện đúng theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ y tế.

Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Kho lưu chứa chất thải nguy hại
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và các quy định về môi trường có liên quan khác.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí quan trắc môi trường hằng năm của cơ sở được tổng hợp tại Bảng sau:

Bảng 12. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm của cơ sở

STT	Mẫu giám sát	Số lượng mẫu	Tần suất giám sát	Kinh phí thực hiện (đồng)
1	Nước thải	04	3 tháng/lần	30.000.000

CHƯƠNG VII.

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Trung tâm y tế huyện Bến Cầu bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này, kể cả các tài liệu đính kèm. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Trung tâm y tế huyện Bến Cầu cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp phép môi trường. Đồng thời chúng tôi cam kết một số nội dung cụ thể như sau:

1. Cam kết các chất thải phát sinh trong hoạt động của Cơ sở sẽ đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam như sau:

- Không xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải y tế QCVN 28:2010/ BTNMT, cột A ra ngoài môi trường dưới bất kỳ hình thức nào và tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Trung tâm y tế huyện Bến Cầu cam kết tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện về an toàn, vệ sinh môi trường.

- Việc thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại được thực hiện theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và các quy định về môi trường có liên quan khác.

2. Cam kết thực hiện nghiêm túc kế hoạch quan trắc môi trường định kỳ đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

3. Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của cơ sở. Trung tâm y tế huyện Bến Cầu cam kết tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Trung tâm y tế huyện Bến Cầu cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các quy định bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO